

THÔNG TIN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT

(Ban hành kèm theo Công văn số:18 /HĐPBGPL ngày 31 tháng 12 năm 2024)

I. VĂN BẢN TRUNG ƯƠNG

1. Thông tư số 89/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 25/12/2024 bãi bỏ một phần, toàn bộ một số Thông tư trong lĩnh vực tài chính đất đai do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trước ngày Luật Đất đai năm 2024, Luật Nhà ở năm 2023 có hiệu lực thi hành.

Thông tư 89/2024/TT-BTC nêu rõ, bãi bỏ toàn bộ các Thông tư sau đây:

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Thông tư số 207/2014/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về xác định tiền thuê đất đối với công ty nông, lâm nghiệp sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

- Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

- Thông tư số 80/2017/TT-BTC ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất,

tài sản gắn liền với đất được hoàn trả khi Nhà nước thu hồi đất và việc quản lý, sử dụng số tiền bồi thường tài sản do Nhà nước giao quản lý, sử dụng, số tiền hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nhưng không được bồi thường về đất;

- Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư số 124/2016/TT-BTC ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý số tiền thu được từ cho thuê, cho thuê mua và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; thanh toán tiền chênh lệch khi thuê nhà ở công vụ và quản lý tiền thu được từ cho thuê nhà ở công vụ theo quy định tại Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 139/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, hoàn trả lại hoặc khấu trừ vào nghĩa vụ tài chính cho chủ đầu tư khi đầu tư xây dựng nhà ở xã hội và phương pháp xác định tiền sử dụng đất phải nộp khi người mua, thuê mua được phép bán lại nhà ở xã hội.

Bên cạnh đó, bãi bỏ một phần các Thông tư như sau: Bãi bỏ quy định về giao đất, cho thuê đất, ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất đối với dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Thông tư có hiệu lực từ ngày ký

2. Thông tư số 58/2024/TT-BGTVT Bộ Giao thông vận tải quy định về đầu tư điểm dừng xe, đỗ xe và vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc.

Đầu tư điểm dừng xe, đỗ xe:

Thông tư nêu rõ, trong quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi, căn cứ nhu cầu sử dụng dịch vụ, tính chất dự án, đơn vị chuẩn bị dự án nghiên cứu, đề xuất việc đầu tư điểm dừng xe, đỗ xe tại địa điểm có cảnh quan thiên nhiên hoặc danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa nhằm phát triển du lịch, quảng bá văn hóa địa phương; có đường ra, vào thuận tiện, không che khuất tầm nhìn, phù hợp với tính chất, điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn của công trình dự án, bảo đảm an toàn khi khai thác. Cơ quan quyết định đầu tư dự án đối với dự án đầu tư công hoặc cơ quan phê duyệt dự án đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư quyết định đầu tư điểm dừng xe, đỗ xe căn cứ nghiên cứu, đề xuất của đơn vị chuẩn bị dự án.

Vị trí, quy mô điểm dừng xe, đỗ xe:

Theo Thông tư, điểm dừng xe, đỗ xe được xây dựng ngoài phạm vi hành lang an toàn đường bộ.

Điểm dừng, đỗ xe có quy mô diện tích tối thiểu 500 m² không bao gồm đường ra vào.

Các hạng mục công trình thuộc điểm dừng xe, đỗ xe:

Điểm dừng, đỗ xe bao gồm các hạng mục sau: 1- Đường ra, vào; 2- Mặt bằng khu vực dừng xe, đỗ xe; 3- Nơi cung cấp thông tin, bản đồ du lịch hoặc các thiết bị nghe, nhìn khác phục vụ cung cấp thông tin cho người tham gia giao thông hoặc quảng bá du lịch địa phương.

Yêu cầu thiết kế các hạng mục trên cụ thể như sau: Đường ra, vào tuân thủ quy định về đường nhánh ra, vào trên đường cao tốc theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường bộ cao tốc. Kết cấu mặt bằng khu vực dừng xe, đỗ xe và nơi cung cấp thông tin là mặt đường bê tông xi măng có chiều dày tối thiểu 20 cm hoặc bê tông nhựa có chiều dày tối thiểu 7 cm.

Đường lưu thông trong mặt bằng khu vực dừng xe, đỗ xe phải có các biển báo hiệu, vạch kẻ đường; có bán kính quay xe tối thiểu 10 m tính theo tim đường, đảm bảo cho các loại phương tiện lưu thông an toàn trong khu vực điểm dừng xe, đỗ xe. Bên cạnh đó, phải có biện pháp thoát nước phù hợp.

Vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ:

Thông tư nêu rõ, Trạm dừng nghỉ được xây dựng ngoài phạm vi hành lang an toàn đường bộ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 39 Luật Đường bộ (Cụ thể, Trạm dừng nghỉ phải xây dựng ngoài phạm vi hành lang an toàn đường bộ, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành).

Trong quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi, đơn vị chuẩn bị dự án nghiên cứu, đề xuất vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ căn cứ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường bộ cao tốc; hình thức đầu tư, khả năng cân đối nguồn lực đầu tư; điều kiện địa hình, địa chất và tính chất của công trình dự án.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025.

3. Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Thông tư này quy định về quy trình kỹ thuật xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai gồm các cơ sở dữ liệu thành phần: địa chính; điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thống kê, kiểm kê đất đai; dữ liệu khác liên quan đến đất đai.

Thành phần của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

Thành phần của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 165 của Luật Đất đai được thiết kế theo mô hình dữ liệu gồm: dữ liệu không gian đất đai, dữ liệu thuộc tính đất đai, dữ liệu đất đai phi cấu trúc và siêu dữ liệu đất đai. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai được tổ chức xây dựng, quản lý theo phân cấp từ trung ương đến địa phương.

Cụ thể, cơ sở dữ liệu đất đai do địa phương tổ chức xây dựng, quản lý trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gồm: Cơ sở dữ liệu địa chính; cơ sở dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; cơ sở dữ liệu giá đất;

cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

Nguyên tắc xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai: Theo Thông tư, cơ sở dữ liệu đất đai sau khi xây dựng phải đảm bảo tuân thủ quy định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Việc đồng bộ, tích hợp cơ sở dữ liệu đất đai do địa phương quản lý vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai do trung ương quản lý phải được thực hiện thường xuyên sau khi cơ sở dữ liệu đất đai của địa phương đưa vào quản lý, vận hành. Quy mô tổ chức triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai được xác định theo đơn vị hành chính cấp huyện trên cơ sở thiết kế kỹ thuật - dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các đơn vị hành chính cấp huyện đã xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai nhưng chưa đầy đủ dữ liệu của tất cả các đơn vị hành chính cấp xã thì xây dựng bổ sung để đảm bảo khép kín đơn vị hành chính cấp huyện. Thiết kế kỹ thuật - dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai được cấp có thẩm quyền phê duyệt kèm theo quyết định phê duyệt phải nộp (bản số) về Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai để theo dõi, tổng hợp.

Đối với khu vực đất sản xuất nông nghiệp đã có kế hoạch hoặc đang thực hiện dồn điền đổi thửa thì cơ sở dữ liệu địa chính được xây dựng trong quá trình thực hiện đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/01/2025.

4. Thông tư số 72/2024/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông. Trong đó có quy định về tiêu chuẩn của cán bộ Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ điều tra, xác minh, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ.

Cụ thể, tiêu chuẩn của cán bộ Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ điều tra, xác minh, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ gồm:

- a) Có trình độ đại học An ninh, đại học Cảnh sát hoặc cử nhân luật trở lên. Trường hợp tốt nghiệp đại học các trường ngoài ngành Công an đã được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ An ninh, Cảnh sát theo quy định;
- b) Có thời gian công tác trong lực lượng Cảnh sát giao thông từ 06 tháng trở lên;
- c) Đã được công nhận hoàn thành tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ;
- d) Cán bộ Cảnh sát giao thông đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và c nêu trên là cán bộ thụ lý chính;
- đ) Cán bộ Cảnh sát giao thông chưa đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm a nêu trên nhưng đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại các điểm b, c nêu trên là cán bộ hỗ trợ.

Phân công cán bộ điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường bộ

Thông tư nêu rõ, khi phân công cán bộ thụ lý điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường bộ phải có ít nhất 01 cán bộ thụ lý chính. Cán

bộ thụ lý chính chịu trách nhiệm chung, cán bộ hỗ trợ (nếu có) chịu trách nhiệm đối với các nhiệm vụ được phân công;

Cán bộ được phân công thụ lý điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 83 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ năm 2024, Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan đến hoạt động điều tra, xác minh, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ.

Đối với những vụ tai nạn giao thông đường bộ xảy ra trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 63/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ của lực lượng Cảnh sát giao thông.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và thay thế Thông tư số 63/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ của lực lượng Cảnh sát giao thông.

5. Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư vừa ban hành hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Thông tư quy định rõ về cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu, thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.

Theo đó, thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu có các chứng chỉ theo quy định của pháp luật thì kê khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (Hệ thống).

Nhà thầu chủ động cập nhật thông tin về năng lực, kinh nghiệm của mình theo quy định trên Hệ thống và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với các thông tin đã kê khai trên Hệ thống. Trường hợp nhà thầu tự thực hiện việc chỉnh sửa trên Hệ thống, Hệ thống sẽ lưu lại toàn bộ các thông tin trước và sau khi nhà thầu thực hiện chỉnh sửa. Thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu được xác thực bằng chữ ký số của nhà thầu.

Nhà thầu phải đính kèm các văn bản, tài liệu để chứng minh tính xác thực về năng lực, kinh nghiệm, tài liệu đính kèm được lưu trữ và quản lý trên Hệ thống.

Trường hợp nhà thầu kê khai không trung thực nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào thì bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu.

Đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu

Đối với đấu thầu qua mạng: Chủ đầu tư phê duyệt và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống. Tài liệu đính kèm bao gồm: báo cáo đánh giá E-HSDT (đăng tải báo cáo đánh giá tổng hợp, không cần kèm theo các phiếu chấm của thành viên trong tổ chuyên gia).

Đối với đấu thầu không qua mạng: Chủ đầu tư đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

Tài liệu đính kèm bao gồm: Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu (đăng tải báo cáo đánh giá tổng hợp, không kèm theo các phiếu chấm của thành viên trong tổ chuyên gia). Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa phải công khai chi tiết thông tin về các hạng mục hàng hóa trúng thầu bao gồm các nội dung sau: Danh mục hàng hóa; Ký mã hiệu; Nhãn hiệu; Năm sản xuất; Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ); Hãng sản xuất; Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản; Đơn giá trúng thầu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2025, trừ một số quy định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/12/2024.

6. Chính phủ ban hành Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. Trong đó, Nghị định quy định rõ về một số nội dung về đăng ký, quản lý cư trú.

Nghị định quy định:

Trường hợp công dân đăng ký thường trú vào chỗ ở hợp pháp thuộc quyền sở hữu của mình mà chỗ ở hợp pháp đó có nhiều hơn một chủ sở hữu thì không cần có ý kiến đồng ý của những người đồng sở hữu.

Trường hợp đăng ký thường trú theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Luật Cư trú mà chỗ ở hợp pháp có nhiều hơn một chủ sở hữu thì chỉ cần ý kiến đồng ý của ít nhất một chủ sở hữu.

Trường hợp đăng ký thường trú không thuộc điểm a khoản 2 Điều 20 Luật Cư trú mà chỗ ở hợp pháp có nhiều hơn một chủ sở hữu thì khi đăng ký thường trú phải có ý kiến đồng ý của các chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản có công chứng hoặc chứng thực theo quy định pháp luật.

Trường hợp đăng ký thường trú vào chỗ ở hợp pháp của chủ sở hữu là người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người dưới 18 tuổi, người bị tuyên bố mất tích, người đã chết thì chỉ cần lấy ý kiến đồng ý của một trong những người đại diện hợp pháp, người thừa kế của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Trường hợp hộ gia đình chuyển nơi cư trú mới thì chủ hộ chỉ thực hiện đăng ký cư trú đối với bản thân mình theo điều kiện, thủ tục của Luật Cư trú và kê khai, đăng ký cư trú kèm theo cho các thành viên khác của hộ gia đình trong Tờ khai thay đổi thông tin cư trú.

Trường hợp một hoặc nhiều thành viên trong hộ gia đình chuyển nơi cư trú mới thì một trong các thành viên đó thực hiện đăng ký cư trú đối với bản thân mình theo điều kiện, thủ tục của Luật Cư trú; người thực hiện thủ tục được kê khai, đăng ký cư trú kèm theo cho các thành viên khác của hộ gia đình trong Tờ khai thay đổi thông tin cư trú, không phải nộp hồ sơ và thực hiện thêm các thủ tục đăng ký cư trú khác cho thành viên hộ gia đình.

Trường hợp công dân có nơi thường trú, nơi tạm trú và đã bị xóa đăng ký thường trú, xóa đăng ký tạm trú nhưng không xác định được nơi hiện đang cư trú thì cơ quan đăng ký cư trú nơi đã xóa đăng ký thường trú, xóa đăng ký tạm trú có trách nhiệm tiếp tục thực hiện biện pháp quản lý cư trú đối với những trường hợp này.

Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới theo quy định tại điểm i khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 5 Nghị định này:

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2025

7. Thông tư số 65/2024/TT-BCA của Bộ Công an quy định kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ để được phục hồi điểm giấy phép lái xe.

Thông tư áp dụng đối với sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Công an các đơn vị, địa phương; Người có giấy phép lái xe bị trừ hết điểm; Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Theo đó, Thông tư quy định, Cục Cảnh sát giao thông và Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

*** Nội dung kiểm tra**

Nội dung kiểm tra gồm 02 phần:

- Kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện theo câu hỏi sát hạch lý thuyết để cấp giấy phép lái xe
- Kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Thời gian, kết cấu bài kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật

Thông tư quy định thời gian, kết cấu bài kiểm tra và kết quả kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật đạt yêu cầu đối với từng trường hợp, cụ thể.

Thời gian, kết cấu bài kiểm tra kiến thức pháp luật theo mô phỏng

Về thời gian, kết cấu bài kiểm tra và kết quả kiểm tra kiến thức pháp luật theo mô phỏng đạt yêu cầu, Thông tư quy định: Thời gian kiểm tra không quá 10 phút. Bài kiểm tra được thiết kế dưới dạng 10 câu hỏi mô phỏng các tình huống giao thông, mỗi câu hỏi là 01 tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông, mỗi câu hỏi có số điểm tối đa là 05 điểm và số điểm tối thiểu là 0 điểm. Số điểm đạt được của người dự kiểm tra tương ứng với thời điểm nhận biết và xác định tình huống tiềm ẩn nguy cơ an toàn giao thông thông qua việc tương tác với máy tính có cài đặt phần mềm mô phỏng. Người dự kiểm tra đạt từ 35/50 điểm trở lên là đạt yêu cầu.

Kết quả kiểm tra đạt yêu cầu được phục hồi điểm giấy phép lái xe

Đối với trường hợp người có giấy phép lái xe mô tô bị trừ hết điểm: được phục hồi điểm giấy phép lái xe khi có kết quả kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật đạt yêu cầu.

Đối với trường hợp người có giấy phép lái xe ô tô bị trừ hết điểm: được phục hồi điểm giấy phép lái xe khi có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu đối với cả 02 nội dung là kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật và kiểm tra kiến thức pháp luật theo mô phỏng.

Người có kết quả kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật không đạt yêu cầu thì không được kiểm tra kiến thức pháp luật theo mô phỏng. Người có kết quả kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật đạt yêu cầu nhưng có kết quả kiểm tra kiến thức pháp luật theo mô phỏng không đạt yêu cầu thì được bảo lưu kết quả kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật trong thời gian 01 năm, kể từ ngày kiểm tra có kết quả đạt yêu cầu.

Người dự kiểm tra có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu có thể đăng ký kiểm tra lại sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra trước đó.

Hồ sơ đăng ký kiểm tra

Hồ sơ đăng ký kiểm tra bao gồm: Đơn đề nghị kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Thông tư này; Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp còn giá trị sử dụng.

Thời gian tổ chức kiểm tra được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử thuộc phạm vi quản lý. Hồ sơ đăng ký kiểm tra nộp cơ quan có thẩm quyền kiểm tra trước ngày đăng ký kiểm tra một trong các hình thức sau: trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, qua Ứng dụng định danh quốc gia; qua dịch vụ bưu chính; trực tiếp.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/01/2025.

8. Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 về mức hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ và tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỷ lệ đối ứng vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương giai đoạn 2023 - 2025.

Theo Quyết định, đối tượng áp dụng gồm: Hộ gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 99 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP hiện đang ở và có hộ khẩu thường trú tại nhà ở là nhà tạm hoặc nhà bị hư hỏng nặng (kể cả các hộ đã được hỗ trợ theo các chính sách khác trước đây, trừ những hộ gia đình đã được hỗ trợ theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở); cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

* Khoản 1 Điều 99 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định đối tượng được hỗ trợ cải thiện nhà ở là các đối tượng được quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k, l, m tại khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ.

Tại khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh về Ưu đãi người có công với cách mạng quy định đối tượng hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng gồm:

- a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;
- b) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;
- c) Liệt sĩ;
- d) Là mẹ Việt Nam anh hùng;
- đ) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;

- e) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
- g) Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; người hưởng chính sách như thương binh;
- h) Bệnh binh;
- i) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- k) Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày;
- l) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế;
- m) Người có công giúp đỡ cách mạng.

Mức hỗ trợ để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở

Quyết định nêu rõ: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) với mức sau:

Hỗ trợ 60 triệu đồng/hộ đối với trường hợp xây mới nhà ở.

Hỗ trợ 30 triệu đồng/hộ đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa nhà ở.

Tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỷ lệ đối ứng vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương

Hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành giai đoạn 2022 - 2025 theo nguyên tắc:

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 9/1/2025 đến 31/12/2025

9. Nghị định số 143/2024/NĐ-CP ngày 01/1/2024 quy định về bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động.

Nghị định này áp dụng cho Người lao động thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này là người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên, không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, có tham gia bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện (sau đây gọi tắt là người lao động).

Nghị định này cũng được áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện.

- Người lao động đang tham gia bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện được hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện quy định tại Điều 4 của Nghị định này khi có đủ các điều kiện sau đây:

- + Bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do tai nạn lao động xảy ra trong thời gian tham gia bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện;
- + Không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
- Người lao động không được hưởng các chế độ tai nạn lao động tại Điều 4 của Nghị định này nếu tai nạn xảy ra do một trong các nguyên nhân sau:
 - + Mâu thuẫn của chính nạn nhân với người gây ra tai nạn mà không liên quan đến công việc, nhiệm vụ lao động;
 - + Người lao động cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân;
 - + Sử dụng chất ma túy, chất gây nghiện trái quy định của pháp luật.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

10. Nghị định 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 về quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ, Trừ điểm; phục hồi điểm giấy phép lái xe.

Chính phủ ban hành Nghị định 168/2024/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe, có hiệu lực từ 1/1/2025.

Người đang điều khiển ô tô mà sử dụng điện thoại bị phạt 4-6 triệu đồng

Nghị định 168/2024/NĐ-CP quy định cụ thể mức xử phạt, trừ điểm giấy phép lái xe của người điều khiển xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm quy tắc giao thông đường bộ.

Theo đó, phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với người điều khiển xe chuyên làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước; chở người trên buồng lái quá số lượng quy định.

Trường hợp người điều khiển xe không thắt dây đai an toàn khi điều khiển xe chạy trên đường; chở người trên xe ô tô không thắt dây đai an toàn (tại vị trí có trang bị dây đai an toàn) khi xe đang chạy sẽ bị phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

Hành vi điều khiển xe không đủ điều kiện để thu phí theo hình thức điện tử tự động không dừng (xe không gắn thẻ đầu cuối) đi vào làn đường dành riêng thu phí theo hình thức điện tử tự động không dừng tại các trạm thu phí sẽ bị phạt tiền từ 2-3 triệu đồng.

Phạt tiền từ 4-6 triệu đồng đối với người điều khiển xe dùng tay cầm và sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị điện tử khác khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đang di chuyển trên đường bộ; mở cửa xe, để cửa xe mở không bảo đảm an toàn; dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe trái quy định gây ùn tắc giao thông...

Mức phạt 12-14 triệu đồng áp dụng đối với người điều khiển xe dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc không đúng nơi quy định.

Phạt tiền từ 16-18 triệu đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm gây tai nạn giao thông không dừng ngay phương tiện, không giữ nguyên hiện trường, không trợ giúp người bị nạn, không ở lại hiện trường hoặc không đến trình báo ngay với cơ quan công an, ủy ban nhân dân nơi gần nhất. Người điều khiển xe không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông, đi ngược chiều sẽ bị phạt từ 18-20 triệu đồng.

Người điều khiển xe không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ; điều khiển xe đi ngược chiều trên đường cao tốc, lùi xe trên đường cao tốc, quay đầu xe trên đường cao tốc bị phạt từ 30-40 triệu đồng.

Mức phạt đối với người điều khiển xe ô tô vi phạm nồng độ cồn là từ 6 - 40 triệu đồng.

Điều khiển xe máy vượt đèn đỏ, đi trên vỉa hè bị phạt từ 4-6 triệu đồng

Về xử phạt, trừ điểm giấy phép lái của người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, Nghị định 168/2024/NĐ-CP nêu rõ:

Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển xe có hành vi dừng xe, đỗ xe ở lòng đường gây cản trở giao thông; tụ tập từ 03 xe trở lên ở lòng đường, trong hầm đường bộ; đỗ, để xe ở lòng đường, vỉa hè trái phép.

Hành vi chở theo 02 người trên xe, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 12 tuổi, người già yếu hoặc người khuyết tật, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật cũng bị phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng. Mức phạt này cũng áp dụng đối với hành vi không đội "mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy" hoặc đội "mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy" không cài quai đúng quy cách khi điều khiển xe tham gia giao thông trên đường bộ.

Điều khiển xe chạy dàn hàng ngang từ 03 xe trở lên; điều khiển xe kéo theo xe khác, vật khác; chở theo từ 03 người trở lên trên xe; dừng xe, đỗ xe trên cầu sẽ bị phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng.

Người điều khiển xe đi ngược chiều, đi trên vỉa hè (trừ trường hợp điều khiển xe đi qua vỉa hè để vào nhà, cơ quan); không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông; sẽ bị phạt tiền từ 4-6 triệu đồng.

Mức phạt tiền từ 8-10 triệu đồng sẽ áp dụng đối với người điều khiển xe lạng lách, đánh võng trên đường bộ; sử dụng chân chống hoặc vật khác quẹt xuống đường khi xe đang chạy; điều khiển xe thành nhóm từ 02 xe trở lên chạy quá tốc độ quy định; sử dụng còi, rú ga (net pô) liên tục trong khu đông dân cư, khu vực cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định.

Nghị định cũng quy định phạt tiền từ 10 - 14 triệu đồng đối với người điều khiển xe không quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn theo quy định mà gây tai nạn giao thông; điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông; đi vào đường cao tốc, dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe, lùi xe, vượt xe, chuyển hướng, chuyển làn đường không đúng quy định gây tai nạn giao thông; không đi đúng phần đường, làn đường, không giữ khoảng cách an toàn giữa hai xe theo quy định gây tai nạn giao thông hoặc đi vào đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển, đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển "Cấm đi ngược chiều" gây tai nạn giao thông.

Mức phạt đối với người điều khiển xe máy vi phạm nồng độ cồn là từ 2 - 10 triệu đồng.

Ngoài ra, Nghị định 168/2024/NĐ-CP cũng quy định: Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông như điều khiển xe không có gương chiếu hậu bên trái người điều khiển hoặc có nhưng không có tác dụng; không có đèn soi biển số; đèn báo hãm sẽ bị phạt từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng.

Trường hợp điều khiển xe mô tô, xe gắn máy không gắn biển số; gắn biển số không đúng với chứng nhận đăng ký xe hoặc gắn biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp sẽ bị phạt từ 4-6 triệu đồng.

Điều khiển xe đạp máy không đội mũ bảo hiểm bị phạt 400-600 nghìn đồng

Nghị định 168/2024/NĐ-CP cũng quy định cụ thể mức phạt đối với người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ khác vi phạm quy tắc giao thông đường bộ.

Theo đó, người điều khiển xe đạp, xe đạp máy không đi bên phải theo chiều đi của mình, đi không đúng phần đường quy định, đi dàn hàng ngang từ 03 xe trở lên; dùng tay cầm và sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị điện tử khác; chở người ngồi trên xe đạp, xe đạp máy sử dụng ô (dù) sẽ bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.

Phạt tiền từ 150.000 đồng đến 250.000 đồng đối với người điều khiển xe đạp, xe đạp máy buông cả hai tay; chuyển hướng đột ngột trước đầu xe cơ giới đang chạy; không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông. Người điều khiển xe đạp máy không đội "mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy" hoặc đội "mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy" không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ sẽ bị phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng.

Mức phạt đối với người chưa đủ tuổi điều khiển phương tiện giao thông

Nghị định quy định phạt cảnh cáo người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy hoặc điều khiển xe ô tô, điều khiển xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và các loại xe tương tự xe ô tô.

Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe mô tô có dung tích xi-lanh từ 50 cm³ trở lên hoặc có công suất động cơ điện từ 04 kW trở lên.

Mức phạt từ 4-6 triệu đồng áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và các loại xe tương tự xe ô tô.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/1/2025, trừ Quy định tại điểm m khoản 3 Điều 6, điểm e khoản 4 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 27 của Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026; quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Nghị định này có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường về kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

II. VĂN BẢN QPPL CỦA UBND TỈNH HÀ TĨNH

1. Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh Ban hành Quy định Quy định chi tiết một số nội dung cụ thể của Luật Nhà ở ngày 27/11/2023 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

2. Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 03/12/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế.

3. Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh Ban hành Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về tuyển dụng và nâng ngạch công chức.

4. Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh Ban hành Ban hành Quy định chi tiết một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.

5. Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh Về việc bãi bỏ Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp thực hiện việc đăng ký phương tiện và quản lý phương tiện được miễn đăng ký phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

6. Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Trên đây là một số văn bản pháp luật mới, Hội đồng PBGDPL huyện gửi các Đồng chí cán bộ, đảng viên tiếp cận để phục vụ cho quá trình công tác chuyên môn và tuyên truyền các chính sách pháp luật mới theo ngành, lĩnh vực phụ trách.

